

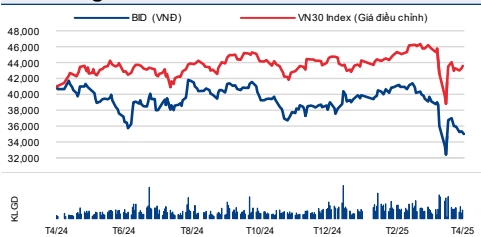
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ45,700
Tiềm năng tăng/giảm: 30.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (25/4/2025)	35,000
Mã Bloomberg	BID VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	32,450-41,816
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	35,230
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	241,395
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	9,277
Slg CP lưu hành (tr.đv)	6,897
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,069
Slg CP NN được mua (tr.đv)	877
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	17.3%
Tỷ lệ freefloat	4.01%
Cổ đông lớn	Ngân hàng Nhà nước (81.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	2,761	3,041	3,408
Dư nợ cho vay (ntđ)	2,056	2,344	2,649
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	81.1	88.7	102
Lợi nhuận thuần (ntđ)	25.3	28.7	33.9
BVPS (đồng)	20,250	23,713	28,192
EPS (đồng)	3,663	4,103	4,632
DPS (đồng)	0	400	450
T.trưởng cho vay KH (%)	15.7	14.0	13.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	10.6	9.37	15.1
Tăng trưởng EPS (%)	16.2	12.0	12.9
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	12.5
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	9.75	9.71
ROAE (%)	19.6	18.6	17.8
ROAA (%)	1.00	0.99	1.05
Tỷ lệ NIM (%)	2.43	2.50	2.59
Tỷ lệ CIR (%)	34.5	32.8	31.6
Hệ số CAR (%)	9.20	9.43	10.8
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.41	1.20	1.98
LLR/nợ xấu (%)	131	124	67.6
Hệ số LDR (%)	105	106	105
P/B (lần)	1.73	1.48	1.24
P/E (lần)	9.56	8.53	7.56
Lợi suất cổ tức (%)	0	1.14	1.29

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là ngân hàng thương mại lớn nhất tại Việt Nam xét trên quy mô tổng tài sản.

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

ĐHCĐ & Q1/2025: Triển vọng thử thách hơn phía trước

- BID đã tổ chức ĐHCĐ vào ngày 26/4/2025. Ngân hàng đặt kế hoạch tăng trưởng tín dụng đạt 16% trong khi kế hoạch lợi nhuận chưa được công bố. Ngoài ra, BID đề xuất kế hoạch tăng vốn trong năm 2025-2026 thông qua phát hành cổ phiếu tương đương 3,84% số lượng cổ phiếu đang lưu hành.
- BID đã công bố BCTC Q1/2025 với LNTT đạt 7,4 nghìn tỷ đồng (đi ngang so với cùng kỳ), hoàn thành 20% dự báo cả năm nhưng thấp hơn một chút so với dự báo Q1 của chúng tôi.
- BID đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,41 lần, cao hơn 28% bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,1 lần. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu.

Sự kiện: ĐHCĐ năm 2025 & KQKD Q1/2025

BID đã tổ chức ĐHCĐ vào ngày 26/4/2025, trong đó thảo luận về các chủ đề chính bao gồm: Kế hoạch kinh doanh năm 2025, kế hoạch huy động vốn & tác động tiềm ẩn từ chính sách thuế quan của Mỹ lên HĐKD của Ngân hàng.

Ngoài ra, BID đã công bố KQKD Q1/2025 với LNTT đạt 7,4 nghìn tỷ đồng, đi ngang so với cùng kỳ, hoàn thành 20% dự báo cả năm 2025 và thấp hơn một chút so với dự báo Q1 của chúng tôi.

Kế hoạch kinh doanh năm 2025 – chưa công bố kế hoạch lợi nhuận

BID đặt kế hoạch kinh doanh tham vọng cho năm 2025, trong đó tăng trưởng tín dụng đạt 16%, sát với mục tiêu tăng trưởng GDP của Chính phủ (8%), bất chấp những bất ổn liên quan đến chính sách thuế quan. Tăng trưởng tổng vốn huy động sẽ được giám sát chặt chẽ để đảm bảo phù hợp với mục tiêu tăng trưởng tín dụng. Kế hoạch lợi nhuận chi tiết vẫn đang chờ NHNN thông qua.

Kế hoạch tăng vốn

BID lên kế hoạch huy động vốn đợt 2, phát hành khoảng 269,8 triệu cổ phiếu, tương đương 3,84% số lượng cổ phiếu đang lưu hành, thông qua chào bán riêng lẻ hoặc chào bán công khai. Giá phát hành sẽ do HĐQT quyết định nhưng

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 28/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q1/2025 của BID

Trong Q1, LNTT của BID hoàn thành 20% dự báo cả năm của HSC, thấp hơn một chút so với kỳ vọng

	Q1/24	Q1/25	% so với cùng kỳ	2025F của HSC	% dự báo
Thu nhập lãi thuần	13,541	13,946	3%	68,372	20%
Thu nhập ngoài lãi	3,630	3,953	9%	20,288	19%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1,693	1,539	-9%	7,943	19%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	1,465	864	-41%	6,005	14%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	(124)	209	-268%	713	29%
Thu nhập khác	500	1,216	143%	5,137	24%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	96	125		490	26%
Tổng thu nhập HĐ	17,171	17,898	4%	88,660	20%
Chi phí HĐ	(5,393)	(5,907)	10%	(29,093)	20%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	11,779	11,992	2%	59,567	20%
Chi phí dự phòng	(4,389)	(4,578)	4%	(22,976)	20%
LNTT	7,390	7,413	0%	36,591	20%
Lợi nhuận thuần	5,813	6,070	4%	28,713	21%

Nguồn: BID, HSC

sẽ không thấp hơn thị giá hiện tại hoặc BVPS gần nhất tại thời điểm phát hành. Đợt phát hành này dự kiến sẽ được triển khai trong năm 2025-2026, sau khi hoàn thành đợt phát hành đầu tiên (124 triệu cổ phiếu, tương đương 1,79% số lượng cổ phiếu đang lưu hành) vào tháng 3/2025. Trước những bất ổn kinh tế hiện tại, bao gồm rủi ro về chính sách thuế quan, xu hướng giảm của lãi suất toàn cầu chậm lại và đầu tư nước ngoài rút vốn, kế hoạch ban đầu của Ngân hàng, huy động tổng cộng 9% số lượng cổ phiếu đang lưu hành, hiện sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức hơn đáng kể.

BID cũng đề xuất tăng vốn điều lệ thông qua:

- Phát hành 498 triệu cổ phiếu (tương đương 7,1% số lượng cổ phiếu đang lưu hành) để tăng cường nguồn vốn.
- Phân phối cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2023, tối đa 1.397 triệu cổ phiếu, tương đương 19,9% số lượng cổ phiếu đang lưu hành

Thảo luận xung quanh ảnh hưởng của chính sách thuế quan

Tại ĐHCĐ, Ngân hàng đã cung cấp thông tin về tỷ trọng tín dụng có khả năng chịu ảnh hưởng của chính sách thuế quan. Các khoản vay chịu ảnh hưởng cả trực tiếp và gián tiếp ước tính là 300 nghìn tỷ đồng, tương đương 15% tổng dư nợ cho vay.

- Các khoản vay chịu ảnh hưởng trực tiếp ước tính dao động từ 4%-6%, bao gồm các khoản vay liên quan đến doanh nghiệp FDI ước tính tổng cộng 72 nghìn tỷ đồng (chiếm 3,5% tổng dư nợ cho vay tại thời điểm cuối năm 2024) và các khoản vay liên quan đến những khách hàng định hướng xuất khẩu. Ngân hàng kỳ vọng tác động trực tiếp là không lớn, lưu ý rằng những khách hàng này có tình hình tài chính vững chắc và đã chủ động điều chỉnh chiến lược để giảm thiểu rủi ro liên quan đến thuế quan.
- Các khoản vay bị ảnh hưởng gián tiếp, ước tính 8-10%, bao gồm các doanh nghiệp sản xuất trong nước, công nhân trong những lĩnh vực phụ thuộc vào xuất khẩu và thậm chí cả doanh nghiệp phát triển BĐS và các khoản vay mua nhà.

Các khoản vay chịu ảnh hưởng gián tiếp có thể hạn chế nhu cầu tín dụng, giảm năng lực cung cấp dịch vụ và làm suy yếu chất lượng tài sản. BID hiện đang thực hiện phân tích kịch bản để đánh giá chính xác rủi ro liên quan đến chính sách thuế quan.

KQKD Q1/2025 – thấp hơn dự báo ở tất cả các phân khúc

BID đã công bố KQKD Q1/2025 với LNTT đạt 7,4 nghìn tỷ đồng, đi ngang so với cùng kỳ, hoàn thành 20% dự báo cả năm và thấp hơn một chút so với dự báo Q1 của chúng tôi. Những thông tin chính bao gồm:

Tăng trưởng tín dụng đạt 2,5% kể từ đầu năm. Tăng trưởng nhiều khả năng sẽ tiếp tục âm ảm do các doanh nghiệp chờ đợi những thông tin về chính sách thuế quan trở nên rõ ràng hơn.

Tăng trưởng tiền gửi cũng ở mức thấp, đạt 1,2% kể từ đầu năm, với một phần đóng góp từ đợt chào bán riêng lẻ gần đây.

Tỷ lệ NIM chịu sức ép đáng kể, giảm 35 điểm cơ bản so với quý trước và giảm 34 điểm cơ bản so với cùng kỳ xuống 2,08%, do mặt bằng lãi suất cho vay giảm mạnh (giảm 46 điểm cơ bản so với quý trước và giảm 75 điểm cơ bản so với cùng kỳ xuống 5,26%), mặc dù chi phí huy động giảm 21 điểm cơ bản so với quý trước và giảm 48 điểm cơ bản so với cùng kỳ xuống 3,27%.

Lãi suất cho vay giảm chủ yếu do các chính sách hỗ trợ tín dụng của BID nhằm đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là đối với người mua nhà và các lĩnh vực kinh tế quan trọng. BLĐ cho rằng tỷ lệ NIM sẽ tiếp tục gặp sức ép trong phần còn lại của năm, thể hiện trách nhiệm kinh tế do các NHTM có vốn nhà nước gánh vác.

Thu nhập ngoài lãi tăng vừa phải 9% so với cùng kỳ, chủ yếu nhờ lãi từ thanh lý tài sản thế chấp, bù đắp sự sụt giảm của lãi thuần HĐ dịch vụ (giảm 9% so với cùng kỳ) và lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối (giảm 41% so với cùng kỳ).

Chất lượng tài sản sụt giảm với tỷ lệ nợ xấu tăng lên 1,89% từ 1,41% trong Q4/2024 và tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR giảm xuống 97% từ 134%. Chi phí dự phòng tăng 4% so với cùng kỳ trước sức ép liên tục trong bối cảnh triển vọng chất lượng tài sản suy yếu trước rủi ro về thuế quan.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn

Sau khi giá cổ phiếu giảm 11% trong 1 tháng qua và đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2025 là 1,41 lần, cao hơn 28% so với bình quân các cổ phiếu ngành ngân hàng trong phạm vi phân tích của chúng tôi ở mức 1,1 lần nhưng thấp hơn 22% so với VCB (1,8 lần). HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	153	138	173	204	230
Chi phí lãi	(96.6)	(80.3)	(105)	(124)	(138)
Thu nhập lãi thuần	56.4	58.0	68.4	79.6	91.5
Lãi thuần HĐ dịch vụ	6.57	7.07	7.94	8.91	9.98
Lãi thuần HĐ KDNH	4.71	5.36	6.00	6.49	7.00
Lãi/lỗ từ mua bán CK	3.18	5.18	0.71	0.64	0.68
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.35	0.45	0.49	0.54	0.59
Thu nhập khác	2.08	4.99	5.14	5.87	6.45
Tổng thu nhập HĐ	73.3	81.1	88.7	102	116
Chi phí HĐ	(25.1)	(28.0)	(29.1)	(32.2)	(35.7)
LN trước dự phòng	48.2	53.1	59.6	69.8	80.4
Chi phí dự phòng	(20.6)	(21.1)	(23.0)	(26.6)	(30.3)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	27.6	32.0	36.6	43.2	50.1
Chi phí thuế TNDN	(5.61)	(6.26)	(7.32)	(8.63)	(10.0)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.30)	(0.47)	(0.56)	(0.67)	(0.81)
Lợi nhuận thuần	21.7	25.3	28.7	33.9	39.3
EPS (đồng)	3,151	3,663	4,103	4,632	5,228
DPS (đồng)	0	0	400	450	700
Slg CP bình quân (triệu đv)	6,898	6,898	6,998	7,308	7,518
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	6,898	6,898	7,098	7,518	7,518
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	6,898	6,898	7,098	7,518	7,518

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	11.0	10.8	13.6	22.0	23.7
Tiền gửi tại NHNN	51.6	92.3	77.2	98.1	111
Tiền gửi tại các TCTD khác	212	280	286	291	297
Chứng khoán kinh doanh	6.97	12.7	13.6	14.7	16.0
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0.67	0	0	0
Số dư cho vay thuần	1,737	2,018	2,309	2,613	2,929
Tổng dư nợ cho vay	1,778	2,056	2,344	2,649	2,966
Dự phòng rủi ro	(40.4)	(38.0)	(34.8)	(35.4)	(37.5)
Chứng khoán đầu tư	222	278	273	297	323
CK đầu tư sẵn sàng để bán	128	158	158	170	184
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	95.7	121	115	127	139
Dự phòng rủi ro	(0.90)	(1.20)	(0.38)	(0.35)	(0.33)
Đầu tư dài hạn	3.11	3.42	3.46	3.49	3.53
Tài sản cố định	11.1	12.1	12.7	13.4	14.0
Tài sản khác	45.5	52.9	52.9	55.5	57.2
Tổng tài sản	2,301	2,761	3,041	3,408	3,774
Nợ phải trả	2,178	2,616	2,867	3,191	3,533
Tiền gửi của NHNN	35.9	168	168	177	186
Tiền gửi của các TCTD khác	182	233	221	224	226
Tổng tiền gửi KH	1,704	1,953	2,207	2,516	2,843
Trái phiếu và CCTG	189	199	203	207	211
Nợ khác	53.5	50.5	55.5	55.5	55.5
Vốn chủ sở hữu	118	140	168	212	241
Vốn điều lệ	57.0	69.0	71.0	75.2	75.2
Thặng dư vốn cổ phần	15.4	15.4	21.1	34.3	34.3
Lợi nhuận giữ lại	33.6	36.2	56.5	77.8	101
Quỹ & vốn khác của CSH	11.7	18.7	19.8	24.7	30.4
Lợi ích cổ đông thiểu số	4.97	5.23	5.36	5.58	0.27
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	2,301	2,761	3,041	3,408	3,774
BVPS (đồng)	17,100	20,250	23,713	28,192	32,046

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	8.50	20.0	10.1	12.1	10.7
Tăng trưởng cho vay KH (%)	16.8	15.7	14.0	13.0	12.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	15.7	14.6	13.0	14.0	13.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	16.1	13.6	12.0	13.0	12.2
Tăng trưởng VCSH (%)	18.6	18.4	20.5	25.9	13.7
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	0.59	2.86	17.9	16.4	14.9
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	11.2	11.5	4.03	10.8	10.8
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	2.45	10.2	12.2	17.2	15.2
Tăng trưởng LNTT (%)	19.9	15.7	14.4	17.9	16.2
Tăng trưởng LN thuần (%)	19.5	16.2	13.7	17.9	16.1
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	3.31	3.20	3.06	3.16	3.23
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.13)	(1.11)	(1.00)	(1.00)	(1.00)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	95.0	94.5	94.2	95.2	95.0
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.51	2.69	2.86	3.19	3.53
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	18.1	20.5	22.6	25.9	29.2
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	11.1	9.56	8.53	7.56	6.69
P/B (lần)	2.05	1.73	1.48	1.24	1.09
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	1.14	1.29	2.00

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	29.7	31.2	32.4	33.2	33.8
ROAA (%)	0.98	1.00	0.99	1.05	1.09
ROAE (%)	20.0	19.6	18.6	17.8	17.4
Chi phí huy động BQ (%)	4.74	3.44	3.91	4.18	4.20
Lợi suất góp BQ (%)	7.29	5.78	6.33	6.63	6.74
Lợi suất thuần (%)	2.54	2.34	2.42	2.44	2.54
Tỷ lệ NIM (%)	2.69	2.43	2.50	2.59	2.68
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	8.97	8.73	8.96	8.73	8.59
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	77.0	71.6	77.1	78.0	78.7
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	14.1	19.7	13.9	13.3	12.7
Tỷ lệ CIR (%)	34.2	34.5	32.8	31.6	30.8
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	9.75	9.71	13.4
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	9.40	9.20	9.43	10.8	11.2
VCSH/Tổng TS (%)	5.13	5.06	5.53	6.22	6.38
Đòn bẩy vốn (lần)	19.5	19.8	18.1	16.1	15.7
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.26	1.41	1.20	1.98	1.85
Hệ số LLR (%)	181	131	124	67.6	68.4
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	104	105	106	105	104
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	8.78	9.77	8.41	7.59	6.88
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	77.3	74.5	77.1	77.7	78.6
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	1,198	1,234	1,271	1,309	1,348
Số lượng nhân viên	29,233	30,110	31,013	31,943	32,902

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn